

CÔNG TY TNHH THG TIỀN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THG TIỀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THG TIEN PHAT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THG TIEN PHAT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109137316

3. Ngày thành lập: 20/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 3A, ngõ 6, khu Hà Trì 5, đường Tô Hiệu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946399928

Fax:

Email: Thgtienphat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
11.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12.	Xây dựng nhà để ở	4101
13.	Xây dựng nhà không để ở	4102
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
20.	Xây dựng công trình thủy	4291
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bán mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4541(Chính)
32.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4543
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Bán buôn tổng hợp	4690
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Trừ hoạt động đấu giá	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
56.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí	4773
57.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ hoạt động đấu giá	4774
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
59.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
60.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
61.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
62.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Trừ hoạt động đấu giá	4791
64.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động đấu giá	4799
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô. Ghi theo Điều 7, Điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP.	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. Ghi theo Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP.	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản.	5210
68.	Cơ sở lưu trú khác	5590
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
71.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Lập trình máy vi tính	6201
74.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
75.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

76.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản Điều 62,74, 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014	6820
77.	Cho thuê xe có động cơ	7710
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Đại lý du lịch	7911
80.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành. Ghi theo điều 31 luật du lịch 2017	7912
81.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
83.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
84.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
85.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
86.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN TIẾN	Thôn Khảm Lâm, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	475.000.000	25,000	C2852581	
2	BÙI THỊ THÙY LINH	Số nhà 22, tổ 70, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	475.000.000	25,000	C8186005	

3	VŨ VĂN TIẾN	Thôn Khảm Lâm, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	475.000.000	25,000	001097016417	
4	VÕ VĂN SĨ	Thôn Khảm Lâm, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	475.000.000	25,000	001098018652	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG VĂN TIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *03/09/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *C2852581*

Ngày cấp: *17/02/2017* Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Khảm Lâm, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 3A, ngõ 6, khu Hà Trì 5, đường Tô Hiệu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*